

Thuộc A

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18 /2014/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh
Đồng Nai trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Đồng Nai trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc thực hiện chế độ tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp một lần, bồi thường tai nạn và tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Đồng Nai trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu gồm:

- Đội tuyển tỉnh;
- Đội tuyển trẻ tỉnh;

- Đội năng khiếu tỉnh;

Không áp dụng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp một lần, bồi thường tai nạn cho huấn luyện viên, vận động viên là người nước ngoài.

b) Đối tượng áp dụng

- Chế độ tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bồi thường tai nạn quy định tại Quyết định này áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc đội tuyển tỉnh; đội tuyển trẻ tỉnh; đội tuyển năng khiếu tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Chế độ tiền thưởng quy định tại Quyết định này áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh; đội tuyển trẻ tỉnh; đội tuyển năng khiếu tỉnh lập thành tích trong thi đấu tại Đại hội TDTT toàn quốc hoặc giải thi đấu vô địch quốc gia từng môn của các môn thể thao, giải câu lạc bộ toàn quốc; giải vô địch trẻ toàn quốc; vận động viên lập thành tích giải vô địch tỉnh, giải vô địch trẻ tỉnh tổ chức.

- Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quyết định triệu tập các đội tuyển tỉnh là Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Chế độ tiền công theo ngày đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu giải toàn quốc như sau:

a) Đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

- Huấn luyện viên đội tuyển tỉnh: 120.000 đồng/người/ngày;
- Huấn luyện viên đội trẻ tỉnh: 90.000 đồng/người/ngày;
- Huấn luyện viên đội năng khiếu tỉnh: 90.000 đồng/người/ngày;
- Vận động viên đội tuyển tỉnh: 80.000 đồng/người/ngày;
- Vận động viên đội tuyển trẻ tỉnh: 40.000 đồng/người/ngày;
- Vận động viên đội năng khiếu tỉnh: 30.000 đồng/người/ngày;

b) Đối với huấn luyện viên, vận động viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu, nếu có mức lương thấp hơn mức tiền công quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này thì cơ quan, đơn vị sử dụng huấn luyện viên, vận động viên chịu trách nhiệm chi trả phần chênh lệch để bảo đảm bằng các mức quy định tương ứng tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

3. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp một lần, bồi thường tai nạn

a) Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

- Chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế bắt buộc, thực hiện theo

Điều 6 Chương III Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012.

- Chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế bắt buộc, thực hiện theo Điều 7 Chương III Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012.

b) Chế độ trợ cấp một lần

Chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội khi thôi làm huấn luyện viên, vận động viên thực hiện theo Điều 8 Chương III Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012, tiền để làm căn cứ trợ cấp một lần là mức tiền công quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

c) Chế độ bồi thường tai nạn: Thực hiện theo Điều 9, Điều 10 Chương IV Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012.

- Đối với huấn luyện viên, vận động viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước, thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Chương IV Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012.

- Huấn luyện viên, vận động viên thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế bắt buộc và không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, thực hiện theo Khoản 2 Điều 10 Chương IV Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012.

- Huấn luyện viên, vận động viên không được hưởng lương từ ngân sách nhà nước, không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm bắt buộc, thực hiện theo Khoản 3 Điều 10 Chương IV Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012. Mức tiền lương làm căn cứ bồi thường là mức tiền công quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này nhân với 26 ngày.

- Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên tập luyện và thi đấu không đủ 6 tháng, thì lấy mức tiền công của tháng liền kề trước khi huấn luyện viên, vận động viên được tập trung tập huấn và thi đấu để tính bồi thường.

- Huấn luyện viên, vận động viên tham gia bảo hiểm bắt buộc bị tai nạn chết trong khi tập luyện, thi đấu, thì ngoài chế độ bồi thường tai nạn quy định tại Điều 10 Chương IV Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012, còn được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội về tai nạn lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

4. Mức tiền thưởng bằng tiền cho huấn luyện viên, vận động viên khi phá kỷ lục, đạt huy chương vàng, huy chương bạc, huy chương đồng tại Đại hội TDTT toàn quốc hoặc giải vô địch quốc gia từng môn của các môn thể thao, giải CLB toàn quốc, giải vô địch trẻ toàn quốc như sau:

a) Đối với vận động viên

Đơn vị tính: Ngàn đồng

TT	Thành tích Tên cuộc thi	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng	Phá kỷ lục
1	Đại hội TDTT toàn quốc hoặc giải vô địch quốc gia từng môn của các môn thể thao	10.000	6.000	4.000	Được cộng thêm 5.000
2	Giải Câu lạc bộ toàn quốc	5.000	3.000	2.000	
3	Giải vô địch trẻ toàn quốc				
	Vận động viên dưới 12 tuổi	2.000	1.200	800	Được cộng thêm 600
	Vận động viên từ 12 - dưới 16 tuổi	3.000	1.800	1.200	Được cộng thêm 900
	Vận động viên từ 16 - dưới 18 tuổi	4.000	2.400	1.600	Được cộng thêm 1.200
	Vận động viên từ 18 - dưới 21 tuổi	5.000	3.000	2.000	Được cộng thêm 1.500

- Đối với các môn thi đấu tập thể: Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên tham gia môn thể thao tập thể (theo quy định của điều lệ giải) nhân với mức thưởng tương ứng.

- Đối với các môn thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

b) Đối với huấn luyện viên:

- Đối với môn thi đấu cá nhân: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên, tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển và đưa đội đi thi đấu được 60%, huấn luyện viên cơ sở trực tiếp đào tạo vận động viên trước khi tham gia đội tuyển được 40%.

- Đối với môn thi đấu tập thể: Những huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số

lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải.

Số lượng huấn luyện viên của các đội được xét thưởng quy định theo mức sau:

+ Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 2 đến 5 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

+ Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 6 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

+ Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

- Đối với các môn thi đấu đồng đội: Mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số huấn luyện viên quy định tại Tiết 2 Điểm b Khoản 4 Điều này nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

5. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Mức tiền thưởng bằng tiền cho vận động viên khi phá kỷ lục, đạt huy chương vàng, huy chương bạc, huy chương đồng tại Đại hội TDTT cấp tỉnh; giải vô địch cấp tỉnh; giải vô địch trẻ cấp tỉnh được thưởng như sau:

a) Đối với môn cá nhân

Đơn vị tính: Ngàn đồng

TT	Thành tích Tên cuộc thi	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng	Phá kỷ lục
1	Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh hoặc giải vô địch tỉnh từng môn của các môn thể thao	600	400	300	
2	Giải vô địch trẻ cấp tỉnh				
	Vận động viên dưới 12 tuổi	100	80	50	
	Vận động viên từ 12 - dưới 16 tuổi	200	150	100	
	Vận động viên từ 16 - dưới 19 tuổi	300	250	200	

b) Đối với các môn thi đấu tập thể: Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên tham gia môn thể thao tập thể (theo quy định của điều lệ giải) nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại Điểm a Khoản này.

c) Đối với các môn thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại Điểm a Khoản này.

7. Nguồn kinh phí

a) Kinh phí chi trả cho các chế độ quy định tại Quyết định này được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh theo quy định hiện hành. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập dự trù kinh phí hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

b) Nhà nước khuyến khích các liên đoàn, hội thể thao, các cơ quan quản lý, sử dụng huấn luyện viên, vận động viên, khai thác nguồn thu hợp pháp để bổ sung thêm tiền công, tiền thưởng, trợ cấp, khám, chữa bệnh, tai nạn lao động và các chế độ khác đối với huấn luyện viên, vận động viên.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện phát sinh khó khăn, vướng mắc; giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông nhất các ngành, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 32/2009/QĐ-UBND ngày 06/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Quy định mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu : VT, VX, KT, TTCB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Trí